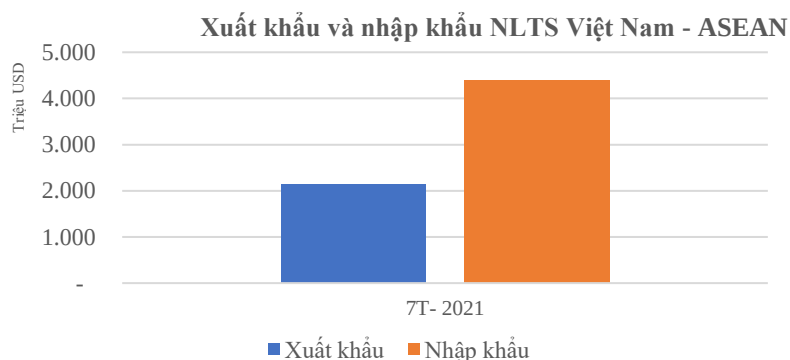


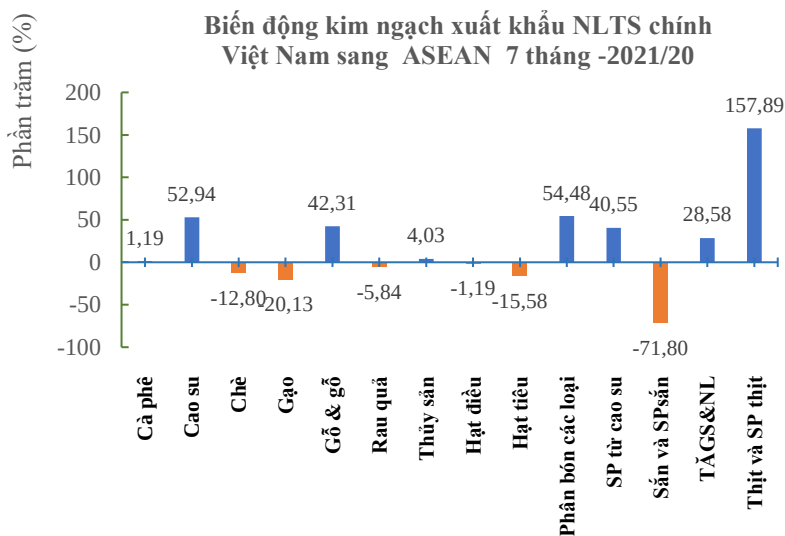
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường ASEAN



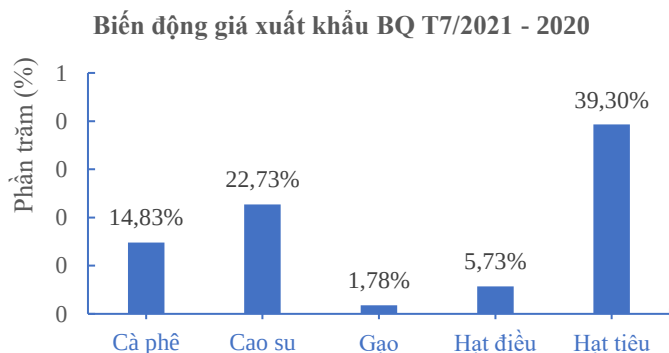
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – ASEAN (7T/ 2021 – 7T/ 2020)

Xuất khẩu ▼ 2,63%
Nhập khẩu ▲ 124,1%



So sánh 7T-2021/ 2020

Cà phê ▲ 1,19 %
Cao su ▲ 52,94 %
Chè ▼ 12,8 %
Gạo ▼ 20,13 %
Gỗ và SP Gỗ ▲ 42,31%
Rau quả ▼ 5,84 %
Thủy sản ▲ 4,03 %
Hạt điều ▼ 1,19 %
Hạt tiêu ▼ 15,58 %
Phân bón ▲ 54,48%
SP từ cao su ▲ 40,55 %
Sản &SP sản ▼ 71,8%
TĂGS và NL ▲ 28,58%
Thịt và SP thịt ▲ 157,89 %



So sánh giá xuất khẩu BQ T7/ 2021/2020

Cà phê ▲ 14,83%
Cao su ▲ 22,73%
Gạo ▲ 1,78 %
Hạt điều ▼ 5,73%
Hạt tiêu ▲ 39,3 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm hơn 8% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Bảy tháng đầu năm 2021, xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN đạt 2.140 triệu USD giảm 2,63% so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu đạt 4.385 triệu USD, tăng 124,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính riêng tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 286,6 triệu USD, giảm 5,81% so với tháng trước và tăng 3,99% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 7/2021 là gạo (chiếm 35%), thủy sản (chiếm 15%), phân bón các loại (chiếm 10%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 10,7%), cà phê (chiếm 8,9%). So với tháng 6/2021, chỉ có 4/14 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất thịt và sản phẩm thịt tăng 114%, chè tăng 32%, rau quả tăng 10%, gạo tăng 0,75% trong khi đó 10/14 mặt hàng còn lại có kim ngạch xuất khẩu giảm, nhiều nhất là sắn và các sản phẩm sắn giảm 79%, cao su giảm 24%, cà phê giảm 23%, hạt tiêu giảm 22%. So với cùng kỳ năm 2020, 9/14 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, đặc biệt thịt và các sản phẩm từ thịt tăng cao nhất với 295%, phân bón các loại tăng 72%, sản phẩm từ cao su tăng 65%, chè tăng 36% trong khi chỉ có 5/14 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, nhiều nhất là sắn và sản phẩm sắn giảm 87%, hạt điều giảm 33%, cà phê giảm 13%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo USDA, mặc dù giá ngô trên thị trường quốc tế cao hơn, nhập khẩu ngô của Indonesia dự kiến vẫn đạt 900.000 tấn trong 2020/21 và 1,3 triệu tấn vào năm 2021/22, do công suất xay uớt tăng lên. Tiêu thụ ngô làm thức ăn chăn nuôi trong năm 2020/21 được dự báo sẽ tăng lên 8,9 triệu tấn do nhu cầu mạnh hơn từ lĩnh vực thức ăn chăn nuôi. Nhập khẩu gạo dự kiến là một triệu tấn vào năm 2020/21. Sản lượng gạo cho năm 2020/21 dự kiến sẽ tăng nhẹ lên 35,3 triệu tấn gạo xát tương đương do năng suất tốt hơn do ít sâu bệnh hơn. Bộ Nông nghiệp Indonesia mới đây cho biết mục tiêu sản xuất của nước này là 55,20 triệu tấn lúa, 20 triệu tấn ngô và 20 triệu tấn đậu tương, 780 nghìn tấn ca cao, 1,64 triệu tấn hành, 795,45 nghìn tấn cà phê, 2,87 triệu tấn ớt, 2,3 triệu tấn đường, 91 nghìn tấn tỏi và 0,44 triệu tấn thịt bò. So với năm 2020, mục tiêu sản xuất lúa vào năm 2022 chỉ tăng nhẹ. Theo Cơ quan Thống kê (BPS), sản lượng gạo chưa xát vỏ của Indonesia ở mức 54,65 triệu tấn, tương đương 31,33 triệu tấn gạo vào năm 2020. Để đạt được mục tiêu năm 2022, Bộ Nông nghiệp Indonesia sẽ phân bổ 14,451 nghìn tỷ rupi (tương đương 23,1 nghìn tỷ đồng) từ ngân sách, trong đó ưu tiên cho các chương trình

nâng cao chất lượng dự trữ lương thực, khả năng tiếp cận và tiêu dùng, đồng thời nâng cao giá trị gia tăng, cơ hội việc làm và đầu tư vào lĩnh vực thực và công nghiệp hóa. Bộ Nông nghiệp Indonesia cũng đang tập trung vào việc tăng cường hệ thống giống cho cây lương thực, trồng trọt và chăn nuôi, bên cạnh việc tăng sản lượng rau và các sản phẩm từ trồng rừng.

Trung Quốc đã trở thành điểm đến xuất khẩu nông sản lớn thứ ba của Philippines và là nguồn nhập khẩu nông sản lớn thứ hai của Philippines. Chuối của Philippines đã chiếm hơn một nửa thị phần tại Trung Quốc, dứa tươi của Philippines lần đầu tiên vào thị trường Trung Quốc và Philippines đã trở thành quốc gia châu Á đầu tiên xuất khẩu bơ sang Trung Quốc. Trung Quốc vẫn là nguồn đầu tư nước ngoài lớn thứ hai của Philippines, với đầu tư vào nông nghiệp tiếp tục tăng trưởng ấn tượng. Trung Quốc hỗ trợ Philippines thông qua các dự án thủy lợi và công nghệ nông nghiệp, đặc biệt là Trung tâm Công nghệ Nông nghiệp Philippines-Trung, trồng 226.500 ha lúa lai thương phẩm, mang lại lợi ích cho hơn 134.000 nông dân. Bộ Nông nghiệp Philippin đang xây dựng một lộ trình phát triển ngành ngô mang tính chiến lược. Năng suất ngô vàng trung bình trên toàn quốc của nước này là 4,18 tấn / ha, nếu tính cả ngô trắng, tổng năng suất trung bình giảm xuống chỉ còn 3,18 tấn / ha. Ngược lại, năng suất trung bình của ngô lai ít nhất là 8 tấn / ha. Lộ trình sẽ chia ra các giai đoạn ngắn hạn (2021-2025), trung hạn (2025-2030) và dài hạn (2030-2040), tập trung vào việc tăng năng suất của các khu vực sản xuất ngô chính của đất nước.

Nhu cầu thực phẩm ở Philippin đã giảm trong vài tháng qua. Ước tính của Chính phủ cho thấy thiệt hại kinh tế hàng tuần do các biện pháp phong tỏa nghiêm ngặt đang được thực hiện ở trung tâm Malina và các khu vực lân cận là khoảng 74 tỷ peso. Nhu cầu đối với thịt gà đã giảm buộc những người chăn nuôi phải cắt giảm sản lượng trong bối cảnh các sản phẩm nhập khẩu vẫn tiếp tục được nhập về. Dữ liệu từ Cục Công nghiệp Động vật (BAI) cho thấy từ tháng 1 đến tháng 5 năm nay, chính phủ Philippines đã ban hành Giấy phép nhập khẩu vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS-IC) với khối lượng 401,83 triệu kg thịt gà, cao hơn 83% so với SPS-IC được ban hành trong cùng kỳ năm ngoái. Đối với cá, Chính phủ đã phê duyệt việc nhập khẩu 60.000 tấn cá trong cuối năm nay. Các doanh nghiệp và hiệp hội lo ngại về nguy cơ thừa nguồn cung và ảnh hưởng sản xuất trong nước, lượng nhập khẩu được cho là hợp lý là khoảng 30.000 tấn cá.

Vương quốc Anh đã chính thức bắt đầu đàm phán gia nhập Hiệp định Thương mại Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), khi nước này tìm cách thiết lập quan hệ thương mại chặt chẽ hơn với châu Á sau khi nước này rút khỏi Liên minh châu Âu (EU). CPTPP sẽ giúp các doanh nghiệp Vương quốc Anh tăng cường khả năng tiếp cận thị trường ASEAN với hơn 600 triệu người tiêu dùng.

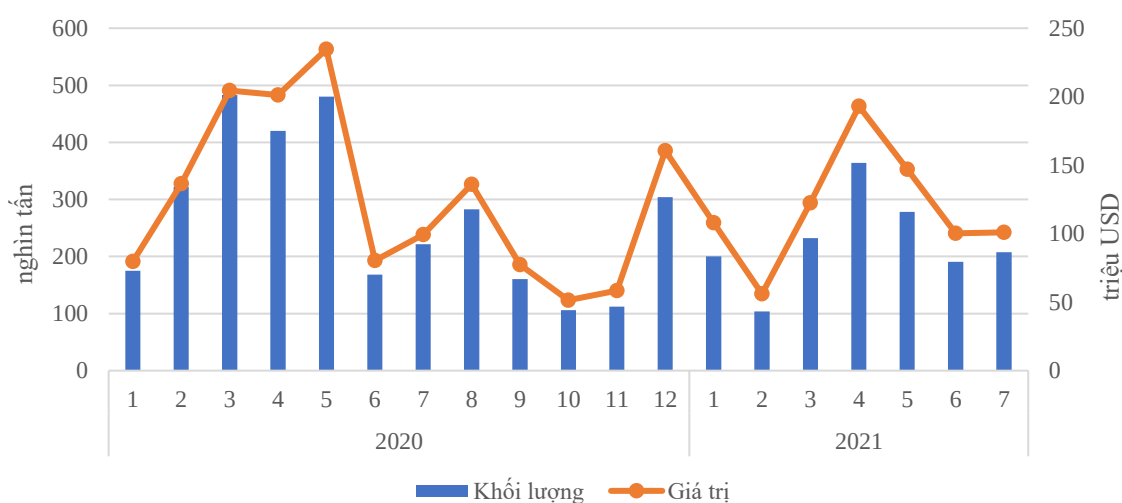
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 8/2021 của USDA, sản lượng gạo của ASEAN trong năm 2020/21 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 115,2 triệu tấn, tăng 2,3 triệu tấn so với năm 2019/20. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của ASEAN năm 2020/21 ước đạt 5,0 triệu tấn, giảm 75 nghìn tấn so với năm 2019/20.

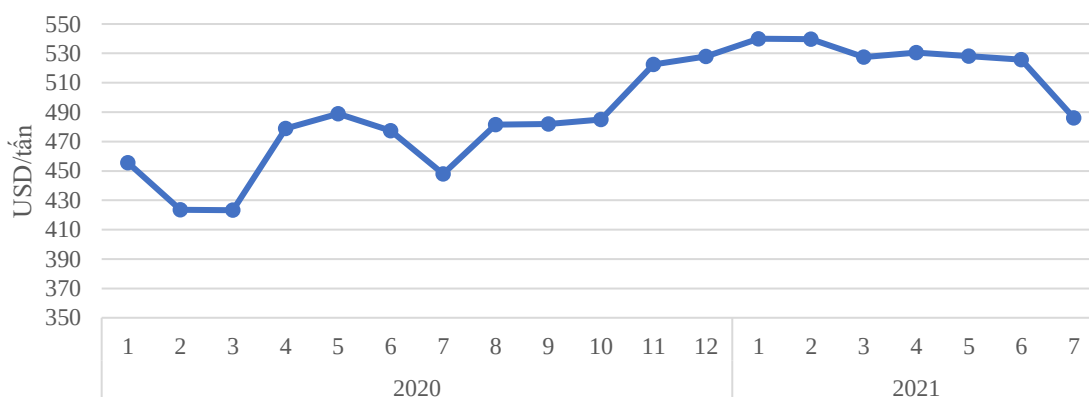
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 207,6 nghìn tấn gạo, trị giá 100,9 triệu USD sang thị trường ASEAN, tăng 9,0% về khối lượng và 0,7% về giá trị so với tháng trước; giảm 6,3% về khối lượng nhưng tăng 1,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 1576,2 nghìn tấn, trị giá 827,5 triệu USD, giảm 30,6% về khối lượng và 20,1% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

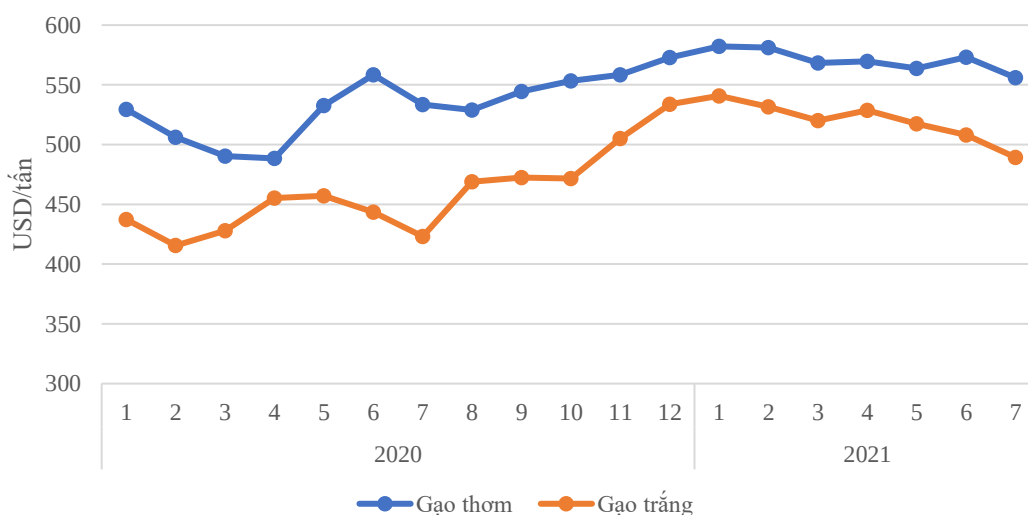
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường ASEAN tháng 7/2021 đạt 486,0 USD/tấn, giảm 7.6% so với tháng trước nhưng tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN chiếm 68,6% về khối lượng và 66,6% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang ASEAN đã giảm 8,9% về khối lượng nhưng tăng 1,0% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo thơm chiếm 26,4% về khối lượng và 28,2% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang ASEAN đã tăng 41,1% về khối lượng và 55,2% về giá trị.

Giá gạo trắng tháng 7/2021 đạt trung bình 489,2 USD/tấn, giảm 3,7% so với tháng trước nhưng tăng 15,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 556,1 USD/tấn, giảm 3,0% so với tháng trước nhưng tăng 4,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá một số loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Tín, Công ty CP Tập đoàn Intimex, và Tổng Công ty Lương thực miền Nam. Ba công ty này lần lượt chiếm 18,4%, 10,6%, và 6,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN trong tháng 7/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này đã tăng lần lượt 88,0%, 35,4% và 246,0%.

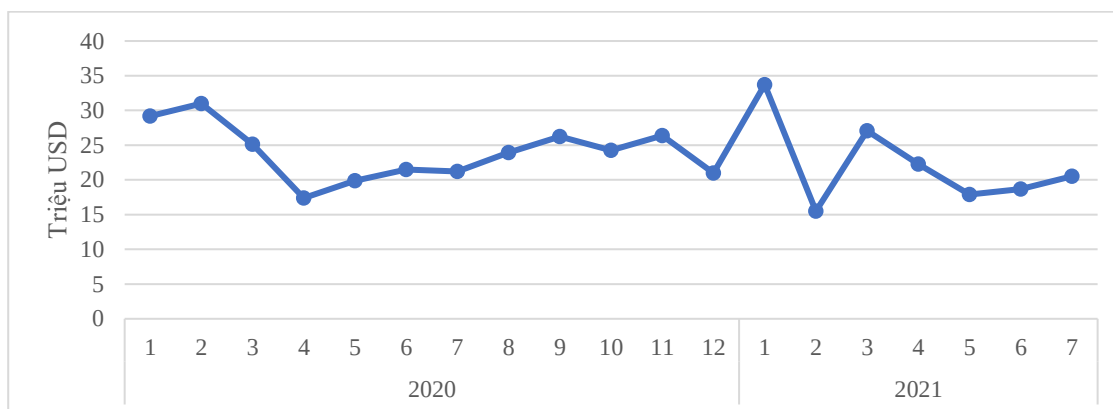
2. RAU QUẢ

Theo số liệu của Bộ Thương mại Thái Lan, xuất khẩu nông sản Thái Lan trong 6 tháng đầu năm 2021 đã tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, trong đó trái cây tươi có mức tăng cao nhất, đạt 42,21%. Về chủng loại, xuất khẩu sầu riêng Thái Lan tăng 58,24%, tiếp theo là nhãn tăng 51,43%, măng cụt tăng 50,09%, chuối tăng 18,59%, dứa tăng 98,85%, tăng cam 374,75% và tăng vải 32,35%. Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu trái cây lớn nhất của Thái Lan, chiếm khoảng 83%, tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc trong nửa đầu năm nay đạt 2,426 tỷ USD, tăng 71,11%.

Ngày 14/8, thành phố Cẩm Châu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc đã thông báo về mẫu bao bì bên ngoài sầu riêng nhập khẩu từ Thái Lan dương tính với biến chủng mới của SARS-CoV-2. Do sự gia tăng của dịch bệnh ở Thái Lan, Trung Quốc đã tăng cường các yêu cầu phòng chống dịch bệnh đối với trái cây Thái Lan. Nhà nhập khẩu trái cây hoặc đại diện của công ty nhập khẩu từ Thái Lan phải khử trùng container, nếu phát hiện virus Corona trong lô trái cây đầu tiên, phương tiện và hàng hóa của công ty sẽ bị cấm nhập cảnh trong vòng 10-15 ngày. Nếu sau đó lại phát hiện ra virus, phương tiện của công ty có liên quan sẽ bị cấm nhập khẩu vĩnh viễn.

Theo báo cáo từ Bộ Nông nghiệp Campuchia, trong 7 tháng đầu năm nay, Campuchia đã xuất khẩu hơn 270,22 tấn chuối, tăng 61,08% so với cùng kỳ năm ngoái. Hơn 240.000 tấn được xuất khẩu sang Trung Quốc, 495,30 tấn xuất khẩu sang Nhật Bản, 480,48 tấn xuất khẩu sang Singapore và 20.000 tấn xuất khẩu sang Việt Nam. Trong bảy tháng đầu năm nay, xuất khẩu xoài tươi của Campuchia đạt 161.000 tấn, tăng 248% so với cùng kỳ năm trước.

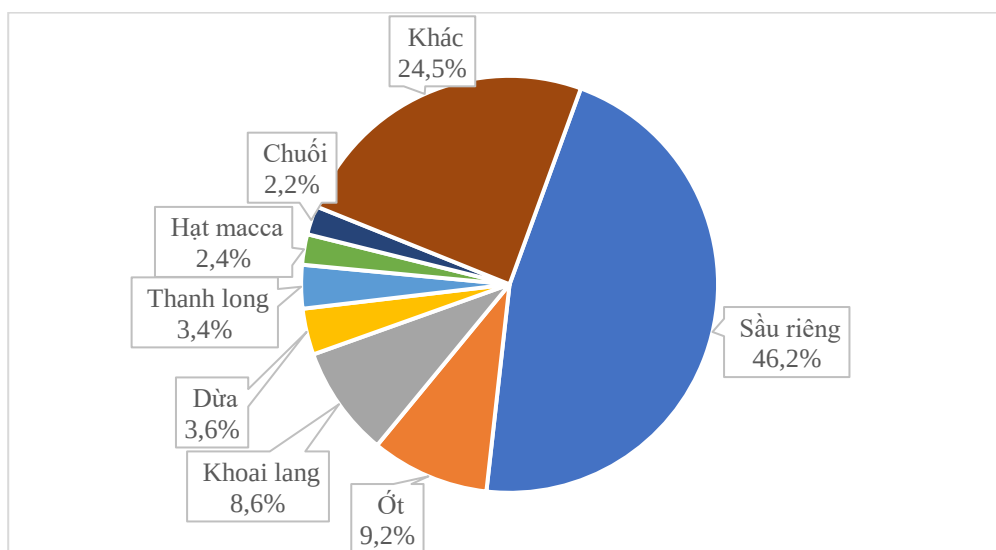
Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 7 năm 2021 đạt 20,5 triệu USD, chiếm 7,7% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 10,0% so với tháng trước và giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 155,7 triệu USD, chiếm 6,8% thị phần và giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 7 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 17 triệu USD (chiếm 82,7% thị phần, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 3,6 triệu USD (chiếm 17,3% thị phần), tăng 64,9%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 1,3 triệu USD (tăng 108,4% so với cùng kỳ năm trước); (ii) Nước ép, nước cốt trái cây (Mã HS: 2009) đạt 904,9 nghìn USD (tăng 83,5%); (iii) Rau chế biến (không đông lạnh - Mã HS.2005) đạt 786,7 nghìn USD (tăng 213,0%); ...

Trong tháng 7 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm: sầu riêng đạt 9,5 triệu USD (chiếm 46,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 299,6% so với cùng kỳ năm 2020; ổi đạt 1,9 triệu USD (chiếm 9,2%), tăng 2,9%; khoai lang đạt 1,8 triệu USD (chiếm 8,6%), giảm 48,0%; dứa đạt 737,3 nghìn USD (chiếm 3,6%), giảm 83,2%; ...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN trong tháng 7/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 7 năm 2021 đạt 20,8 triệu USD, chiếm 15,1% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 149,1 triệu USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 7/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là đậu xanh đạt 13,3 triệu USD (chiếm 64,1%), tăng 117,5% so với cùng kỳ năm 2020; dưa đạt 2,5 triệu USD (chiếm 11,9%), giảm 44,4%; chuối đạt 729 nghìn USD (chiếm 3,5%), giảm 30,0%; ...

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH Việt Á Agrifood, Công ty TNHH Thương mại Bách Hưng Đường và Công ty TNHH Thương mại Phúc An Minh với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 12,5%; 11,7% và 7,5%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Việt Á Agrifood tăng 203%, Công ty TNHH Thương mại Bách Hưng Đường tăng 344,9%. Trong khi Công ty TNHH Thương mại Phúc An Minh không xuất khẩu trong tháng 7/2020, nhưng đã đẩy mạnh được xuất khẩu trong tháng 7/2021.

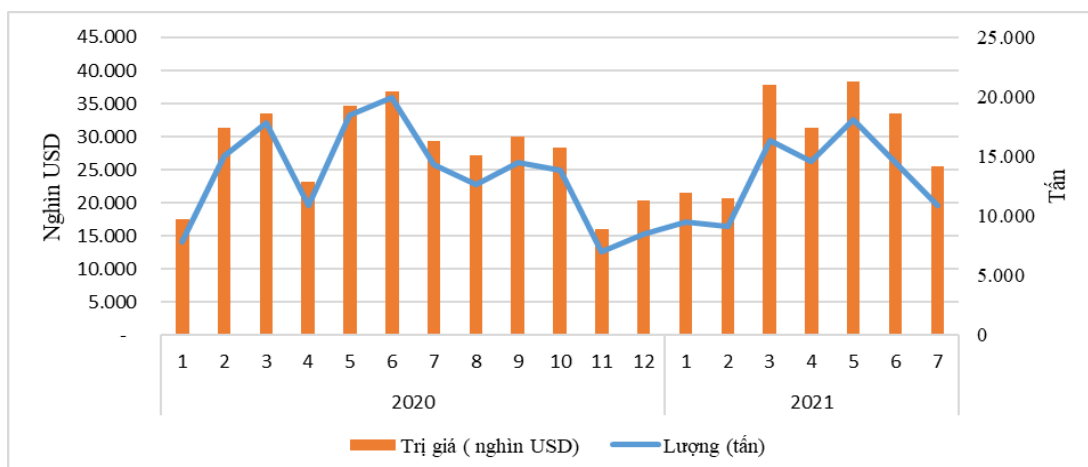
3. CÀ PHÊ

Dữ liệu thương mại của chính phủ Indonesia từ Sumatra, hòn đảo sản xuất cà phê hàng đầu Indonesia cho biết xuất khẩu cà phê robusta của quần đảo này trong tháng 8 giảm 248.584 bao 60 kg tương đương 70,45% so với cùng kỳ năm ngoái, với tổng số là 104.178 bao. Xuất khẩu cà phê robusta lũy kế trong 11 tháng đầu của niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 đạt 1.857.749 bao, giảm 38,76% so với cùng kỳ năm trước. Vụ mùa hiện tại của Indonesia từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022 ước tính đạt tổng cộng 11,35 triệu bao, giảm 2,16% so với năm trước.

Sản lượng quả cà phê khô từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2021 của Philipin ở mức 5,87 nghìn tấn, giảm -0,3% so với sản lượng 5,88 nghìn tấn của cùng kỳ năm 2020. Cà phê Robusta vẫn là loại được sản xuất nhiều nhất, đóng góp 56,6% vào tổng sản lượng trong kỳ. SOCCSKSARGEN là nhà sản xuất cà phê hàng đầu với sản lượng 1,80 nghìn tấn, chiếm 30,7% tổng sản lượng trong quý này. Tiếp theo là Khu vực Davao và Khu tự trị ở Mindanao theo đạo Hồi (ARMM) với tỷ trọng tương ứng là 21,8% và 21,3%.

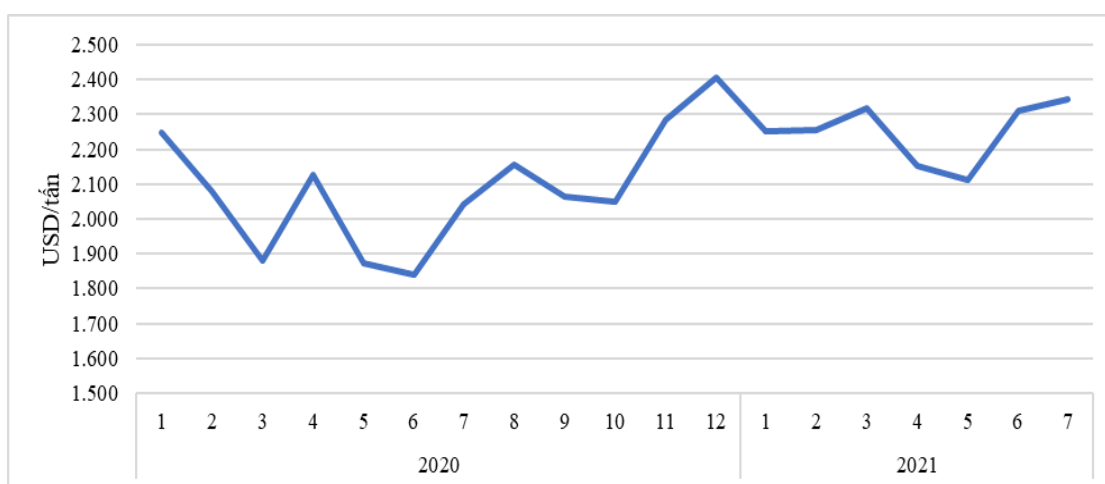
Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm khoảng 10% tổng lượng cà phê xuất khẩu. Xuất khẩu tháng 7/2021 đạt 10.901 tấn, trị giá 25,55 triệu USD, giảm 24,88% về lượng và giảm 23,73% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 7/2020, xuất khẩu cà phê giảm 24,04% về khối lượng và giảm 12,77% về giá trị.

Lũy kế xuất khẩu cà phê 7 tháng đầu năm 2021 đạt 83.185 tấn, trị giá 208,73 triệu USD, tăng 12,08% về lượng và giảm 1,17% về giá trị so với cùng kỳ.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN

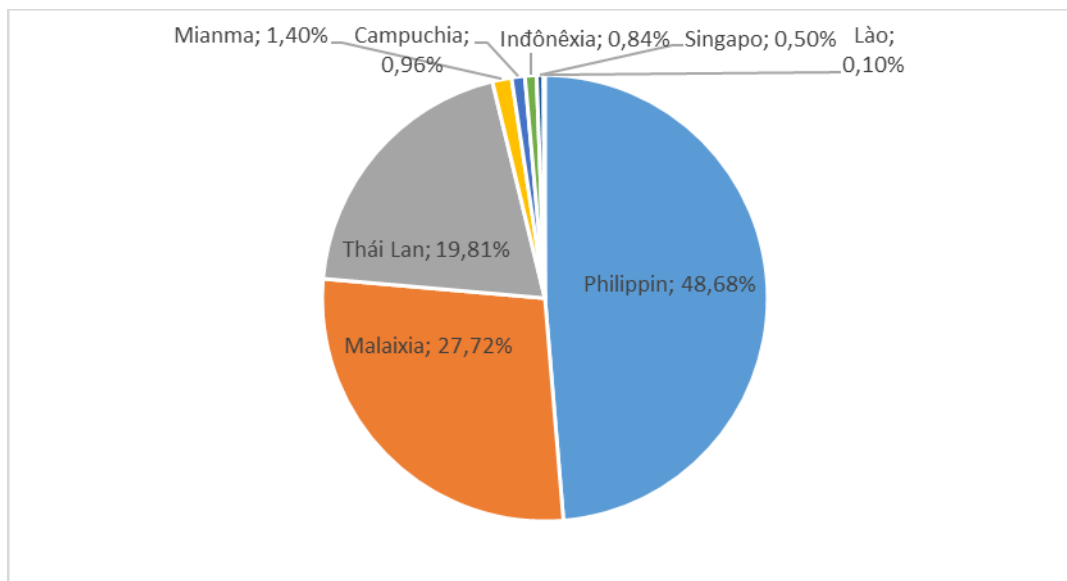
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 7/2021 đạt 2.344 USD/tấn, tăng 1,53 % so với tháng trước và tăng 14,83% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Việt Nam xuất khẩu cà phê sang tất cả các nước trong khối ASEAN (9 quốc gia). Các thị trường nhập khẩu cà phê chính tại ASEAN trong tháng 7/2021, gồm Philipin chiếm tỷ trọng 48,68%, Malaysia chiếm 27,72%, Thái Lan chiếm 19,81%.

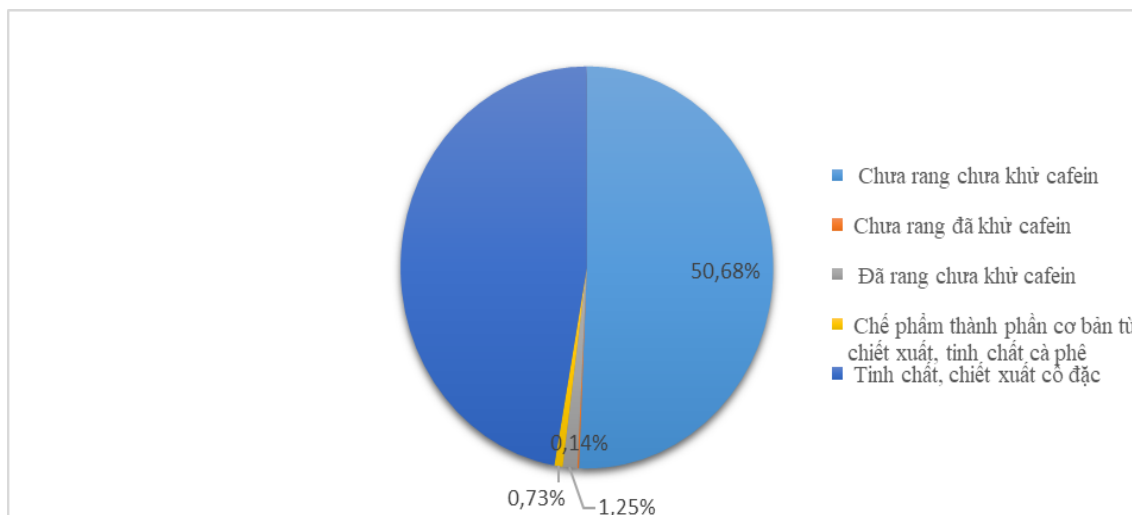
Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

So với tháng trước, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam chỉ tăng tại thị trường Philippin (tăng 11,55%), các thị trường khác đều giảm rất mạnh. Giảm nhiều nhất là Indonesia (giảm 94%), Lào (giảm 76%), Mianma (giảm 71%), Singapo (giảm 61%).

Về cơ cấu sản phẩm, sản phẩm cà phê nhân chiếm 52,08%, cà phê chế biến chiếm 47,92%, cùng kỳ năm 2020, tỷ lệ trên lần lượt là 49,18% và 50,82%, cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt trị giá 12,95 triệu USD, chiếm tỷ trọng 50,68%, giảm 8,36% so cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt trị giá 12,06 triệu USD, chiếm 47,2%, giảm 7,05% so cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 186 nghìn USD, chiếm 0,73%, giảm 90,29% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 320 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 1,25%, tăng 27,79% so với cùng kỳ.

Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang ASEAN

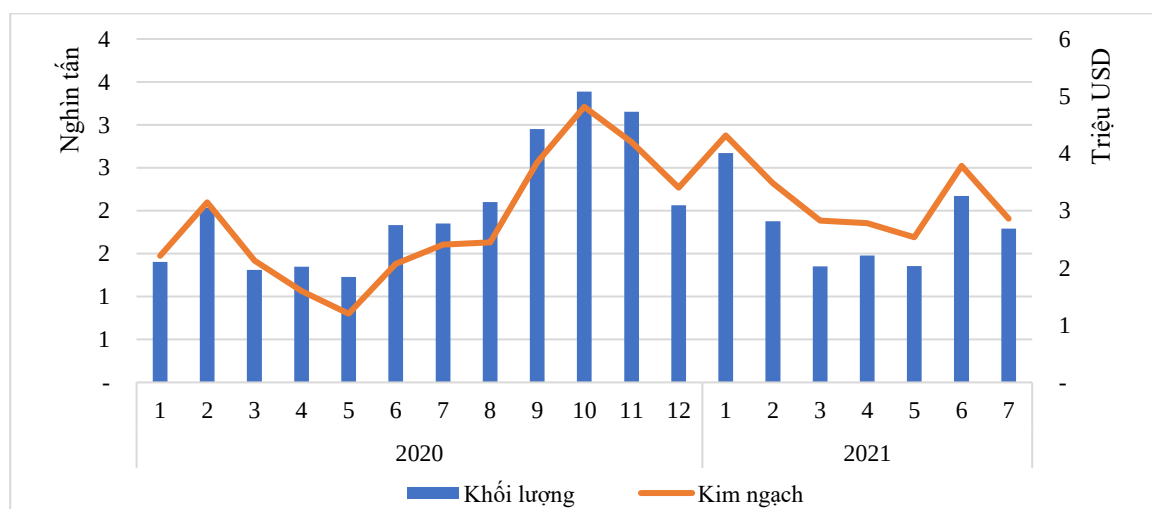
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là: Công ty TNHH URC Việt Nam, Công ty TNHH NEUMANN GRUPPE Việt Nam, Công ty TNHH Nestlé với thị phần lần lượt là: 18,54%; 14,31% và 9,49%.

4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2021, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 1,8 nghìn tấn với trị giá 2,9 triệu USD, giảm 17,4% về khối lượng và 24,4% về giá trị so với tháng trước, và giảm 3,1% về khối lượng nhưng tăng 18,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

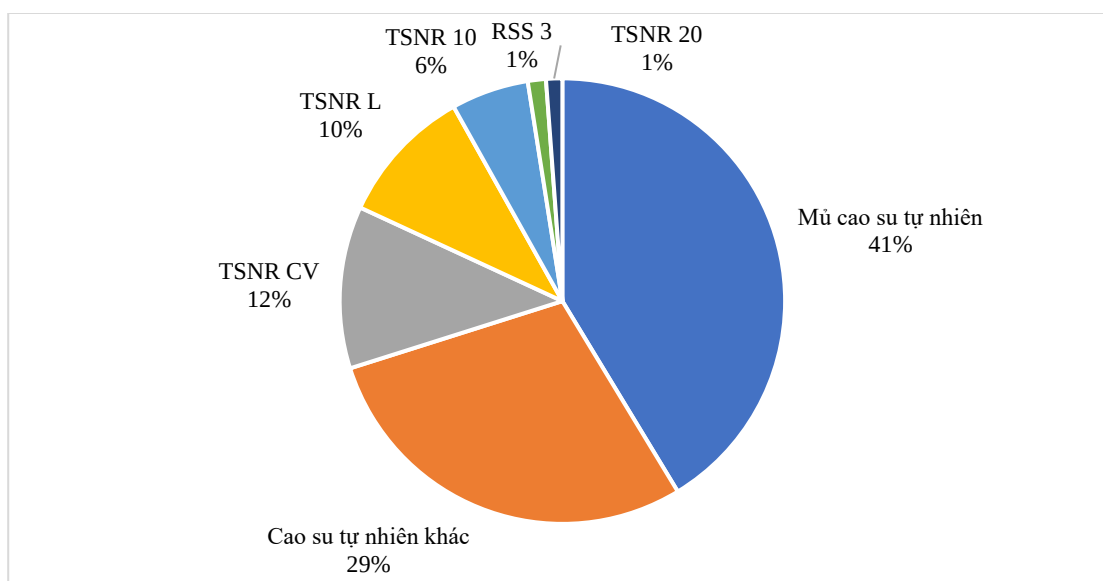
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang các quốc gia ASEAN đạt 1,1 triệu USD, chiếm 41,3% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 321,7 nghìn USD, chiếm 11,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR L và TSNR 10, chiếm lần lượt 10,0% và 5,6% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

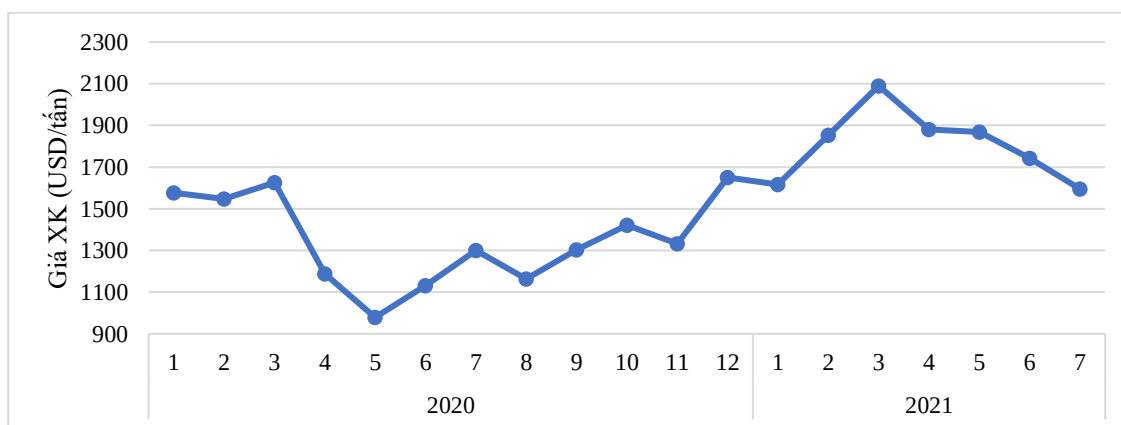
Hình 11: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang các quốc gia ASEAN xu hướng giảm và đạt mức 1.595 USD/tấn trong tháng 7/2021, giảm 8,4% so với tháng trước và nhưng tăng 22,7% so với cùng kỳ 2020.

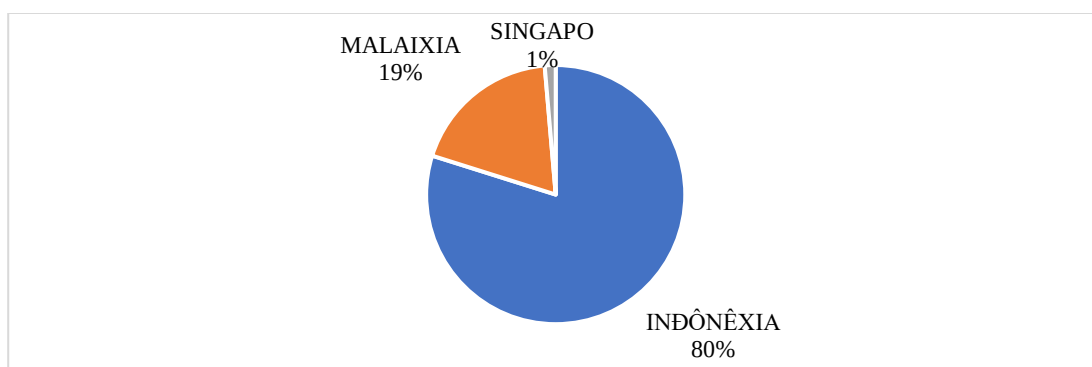
Hình 12: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối ASEAN, tháng 7/2021, Indonesia là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 2,3 triệu USD, chiếm 79,9% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 537,2 nghìn USD, chiếm 18,8%. Tiếp theo là Singapore chỉ chiếm 1,4% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang ASEAN.

Hình 13: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường ASEAN



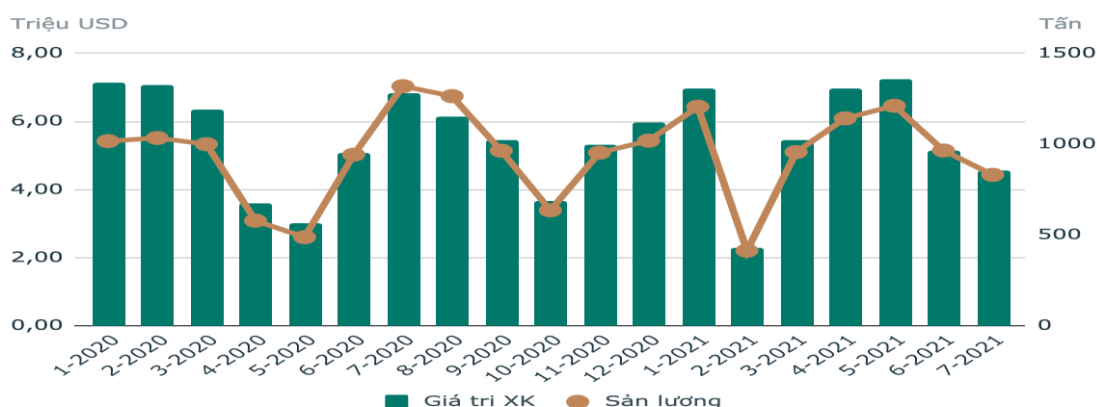
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH TM DV Xuất nhập khẩu Ngọc Châu, Công ty TNHH MTV Cao su Xuất khẩu Thuận Phát và Công ty TNHH Polymetric Products V.&H.. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 10,6%, 8,4% và 7,4% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

5. ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 0,83 nghìn tấn điều, trị giá 4,55 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 37% về khối lượng và 33,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính hết 7 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 38,61 triệu USD, tương ứng với 6,73 nghìn tấn, giảm 1,19% về giá trị và tăng 5,42% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

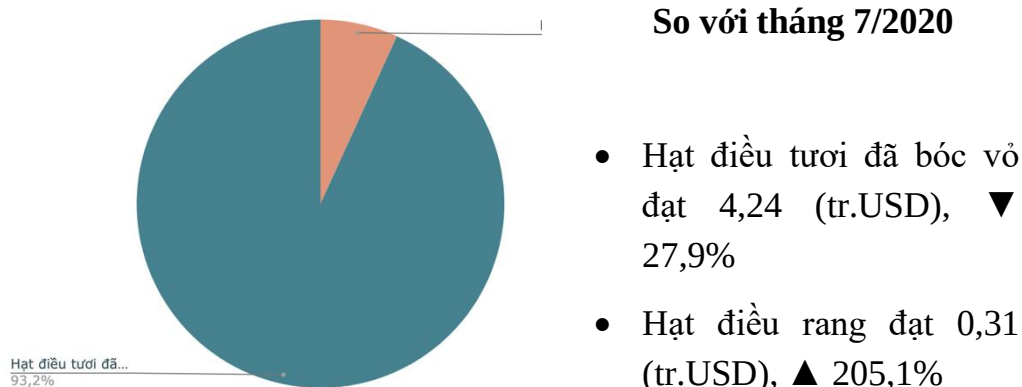
Hình 14. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 93,19%, tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này, hạt điều rang chỉ chiếm 6,81%.

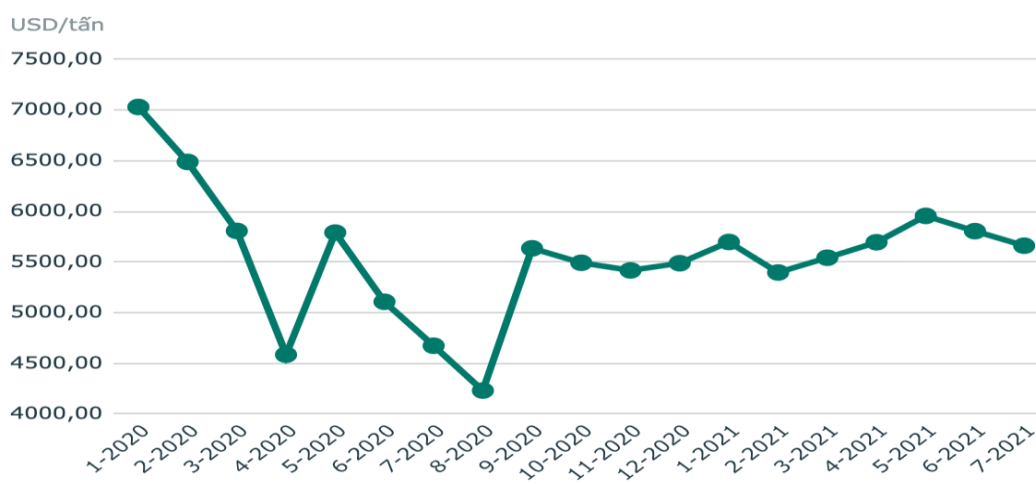
Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều sang thị trường ASEAN tháng 7/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường ASEAN có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình trong tháng 7 đạt 5,66 nghìn USD/tấn, giảm 2,5% so với tháng 6/2021, nhưng tăng 21,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 5,42 USD/kg, giảm 2,2% so với tháng trước nhưng tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN



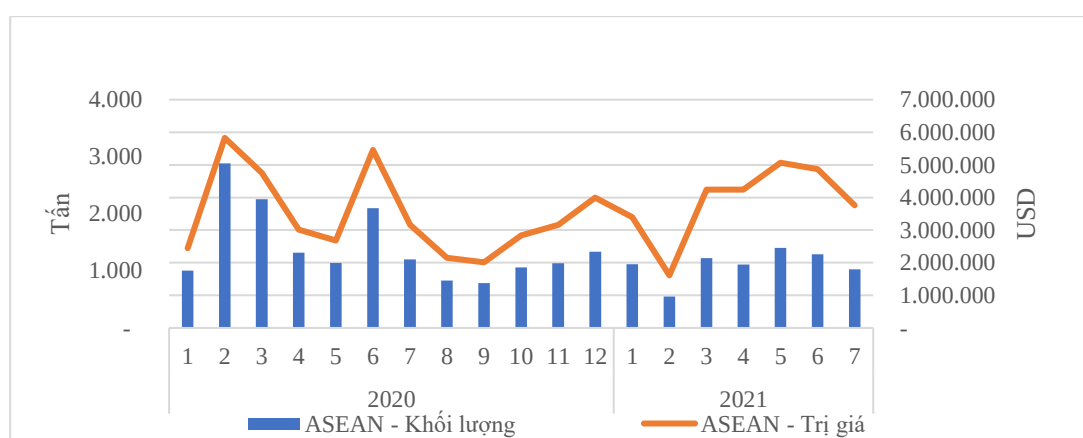
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH HERITAGE Việt Nam chiếm 15,98% tổng giá trị điều xuất khẩu sang thị trường này; Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Hải Phượng chiếm 6,77% và Công ty TNHH một thành viên thương mại Hiệp Hà chiếm 5,17%.

6. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang ASEAN chỉ chiếm 5,72% tổng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này ra thế giới. Trong tháng 7/2021, 1.024 tấn hồ tiêu với trị giá 3,76 triệu USD đã được xuất khẩu sang thị trường này, giảm 20,62% về khối lượng và 22,84% về giá trị so với tháng 6/2021, giảm 14,6% về khối lượng và tăng 18,97% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

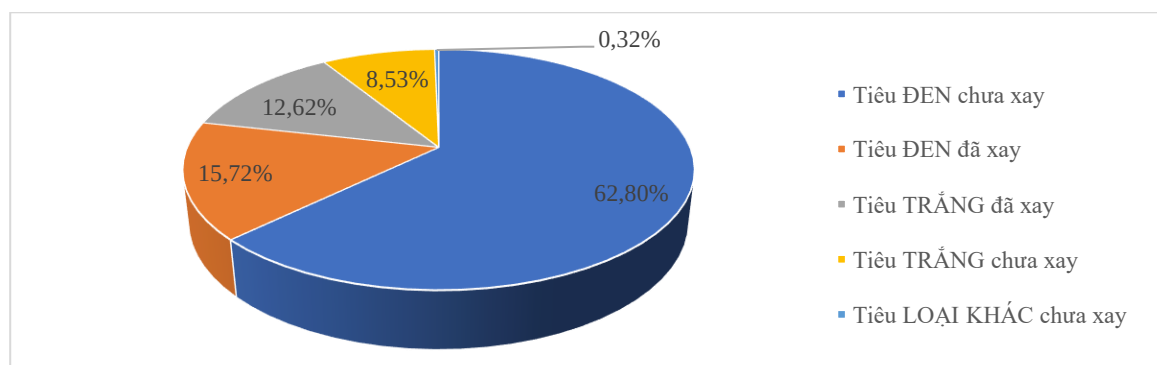
Hình 17: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, tiêu đen chưa xay vẫn tiếp tục là loại sản phẩm chính của Việt Nam sang ASEAN, chiếm 62,8% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 3,09% so với tháng trước và 5,66% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen chưa xay, chiếm 15,72%, giảm 12,67% so với tháng trước và giảm 8,39% so với cùng kỳ năm trước.

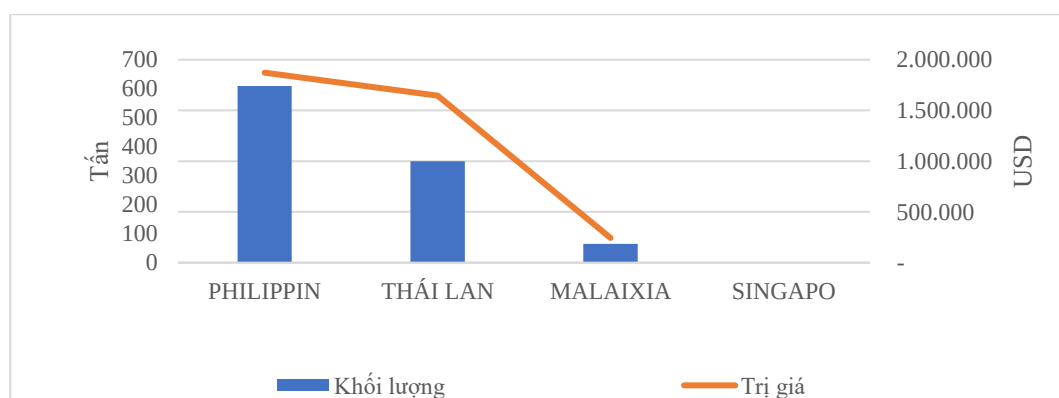
Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 7/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong khối ASEAN trong tháng 7/2021 là Philippin với 609 tấn (chiếm 59,47%), đạt 1,87 triệu USD (chiếm 549,79%), đứng thứ 2 là Thái Lan với 350 tấn (chiếm 34,18%), đạt 1,64 triệu USD (chiếm 43,73%). Thấp nhất là Malaixia với 65 tấn (chiếm 6,35%), đạt 243 nghìn USD (chiếm 6,47%). Trong số các quốc gia thành viên thuộc khối ASEAN nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong tháng 7/2021, chỉ có Philippin có mức tăng trưởng rất đáng ghi nhận, tăng 29,85% so với tháng trước đó và tăng 34,86% so với cùng kỳ năm trước, còn Thái Lan, Malaixia đều có mức tăng trưởng giảm cả về khối lượng và giá trị.

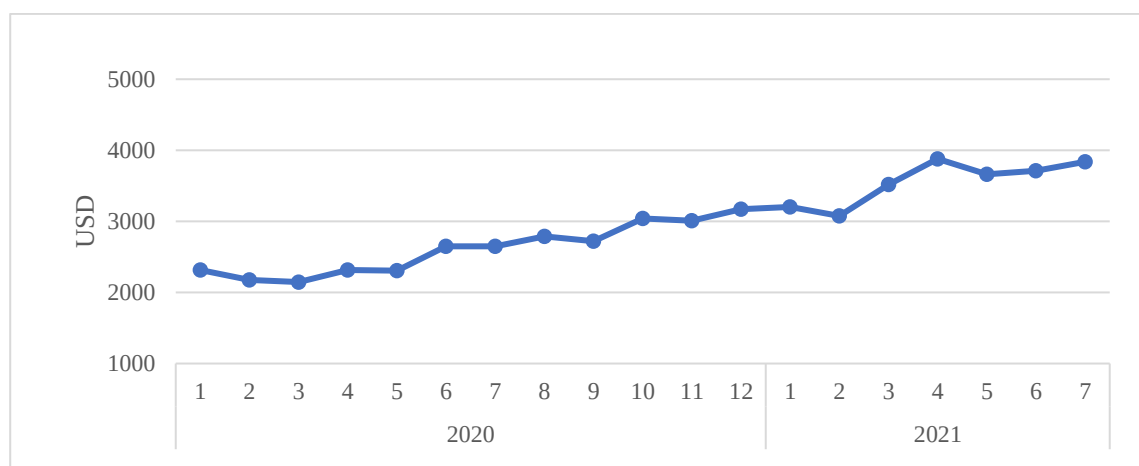
Hình 19 : Kim ngạch XK hồ tiêu Việt Nam sang ASEAN tháng 7/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 7/2021 tăng nhẹ lên mức 3.839 usd/tấn, tăng 3,4% so với tháng trước đó và tăng 45% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng liên tục kể từ tháng 4/2021.

Hình 20: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

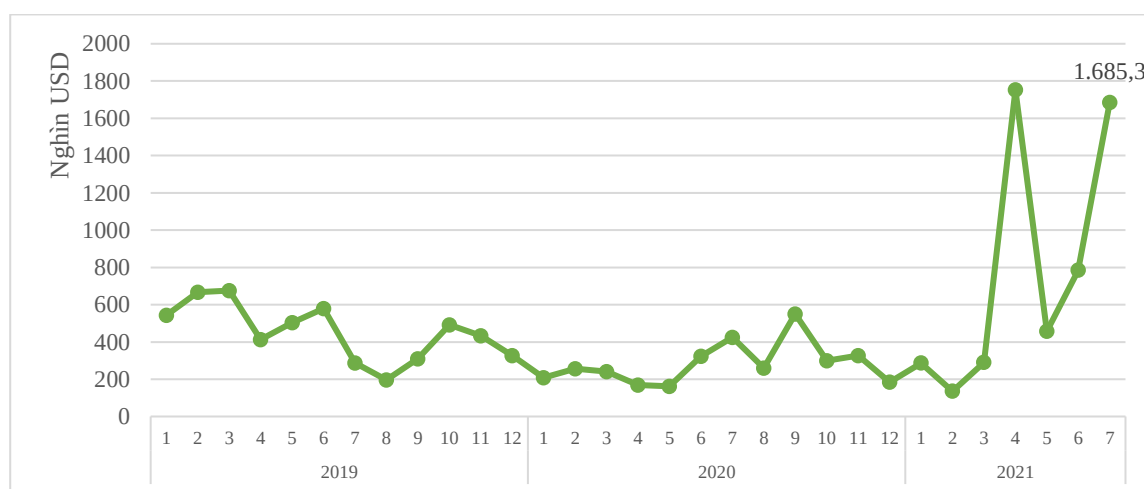
Trong tháng 7/2021, dẫn đầu Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu có kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất vào ASEAN là Công ty CP Sinh Lộc Phát với 24,42%, tăng 36,7% so với tháng trước đó (giữ vị trí thứ 2 trong tháng 6/2021) và tăng 89,9% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là Công ty TNHH Chế biến Gia vị Nedspice Việt Nam với 17,4%,

tăng 49,2% so với tháng trước (giữ vị trí thứ 4 trong tháng 6/2021) và tăng 577,6% so với cùng kỳ năm trước. Giữ vị trí thứ 3 vẫn là Công ty TNHH Bi Chu, chiếm 11,28%, giảm 31,3% so với tháng 6/2021 và giảm 42,2% so với cùng kỳ năm 2020.

7. THỊT VÀ SẢN PHẨM THỊT

Trong tháng 7/2021, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN đạt 1,69 USD, tăng 114% so với tháng trước, và tăng 296% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 7/2021, Lào là thị trường lớn nhất trong khu vực của Việt Nam, với 1,07 triệu USD, chiếm 63,5%. sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Lào trong tháng là trâu bò sống, gia cầm sống, và thịt chẻ biến. Thái Lan xếp thứ 2 với 525,4 nghìn USD, chiếm 31,2%, sản phẩm xuất khẩu chính là thịt, phụ phẩm gia cầm và một số sản phẩm thịt chế biến. Về cơ cấu sản phẩm xuất khẩu chính trong tháng 7 gồm trâu bò sống, chiếm 62% (Lào), gia cầm giết mổ chiếm 29,7% (Thái Lan), các loại thịt chế biến chiếm 3% (Thái Lan, Campuchia, Lào), và các sản phẩm chăn nuôi khác khác (gia cầm, thịt đông lạnh, v.v.).

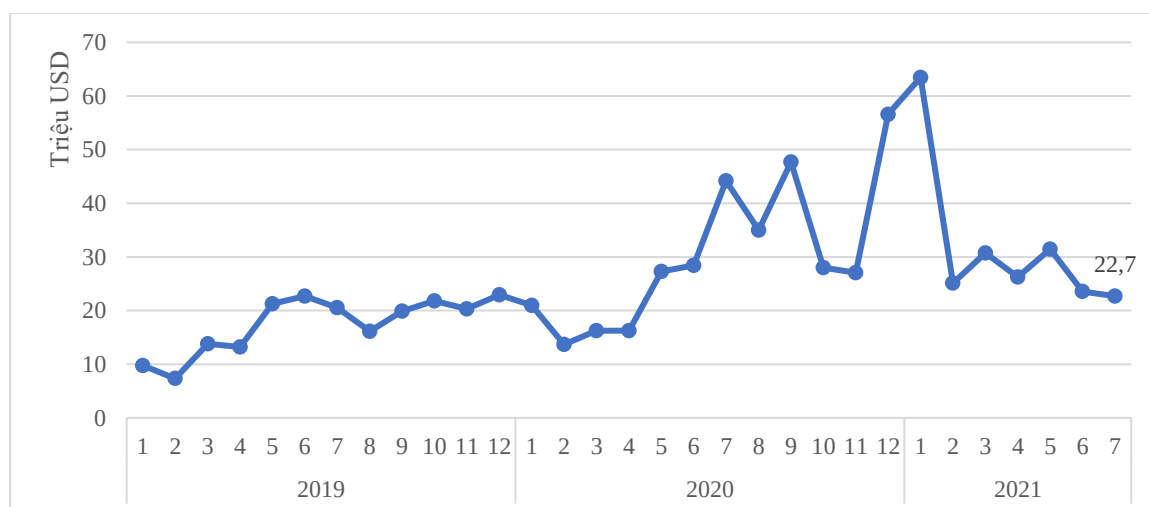
Hình 21: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về tình hình nhập khẩu, trong tháng 7/2021, Việt Nam nhập khẩu 22,7 triệu USD sản phẩm chăn nuôi của từ các nước ASEAN, giảm 3,8% so với tháng trước. Tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 223 triệu USD, tăng 33,6% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 167 triệu USD). Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 6/2021 là trâu bò sống (trị giá 20,7 triệu USD, chiếm 91,1%) từ Lào và Thái Lan và gia cầm sống (trị giá 1,9 triệu USD, chiếm 8,7%) từ Lào và Malaysia. Còn lại là các sản phẩm chế biến (khô gà, ruốc gà, lạp xưởng gà, v.v.) và 1 số động vật sống khác.

Hình 22: Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN

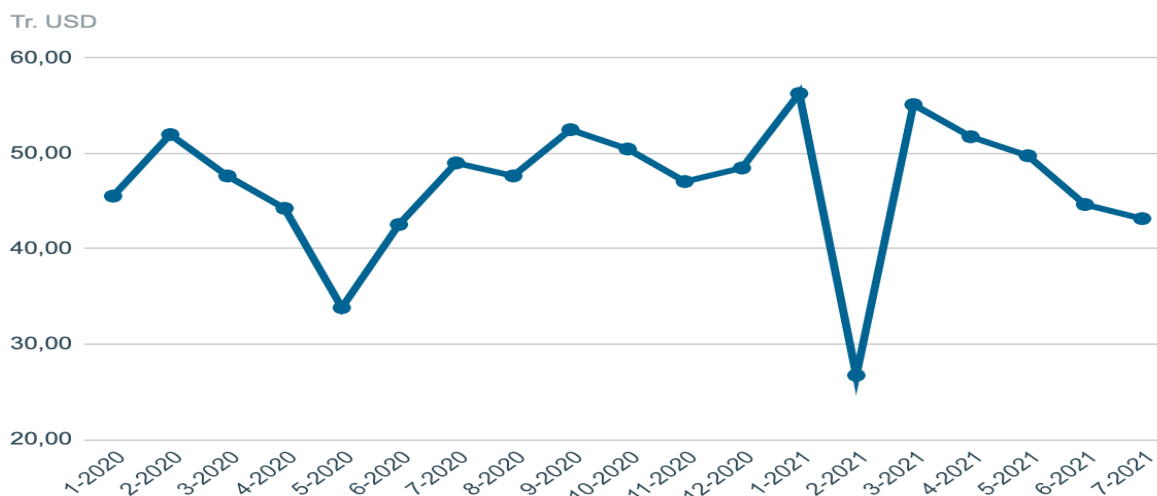


Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. THỦY SẢN

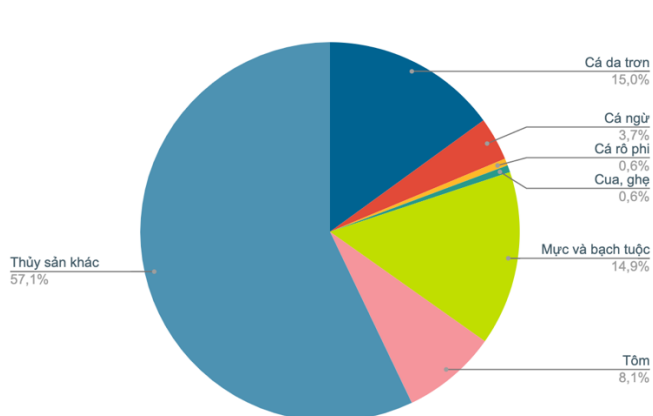
Xuất khẩu cá ngừ đóng hộp của Thái Lan giảm: Lượng cá ngừ đóng hộp xuất khẩu của Thái Lan trong nửa đầu năm 2021 đạt 222,2 nghìn tấn, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 16% với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu cá ngừ đóng hộp của Thái Lan sang Hoa Kỳ trong nửa đầu năm 2021 giảm 36% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 42.615 tấn. Ai Cập là một trong số ít các thị trường tăng nhập khẩu cá ngừ đóng hộp từ Thái Lan trong nửa đầu năm 2021, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020, trở thành thị trường nhập khẩu cá ngừ đóng hộp lớn thứ 2 của Thái Lan. So với năm 2019, xuất khẩu cá ngừ đóng hộp của Thái Lan sang thị trường này cao hơn khoảng 13.000 tấn. Hiện tại, xuất khẩu cá ngừ đóng hộp của Thái Lan chưa có dấu hiệu phục hồi do giá cước vận chuyển bằng đường biển cao và doanh số bán lẻ vẫn chậm.

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 7 tháng đầu năm đạt 327,50 triệu, tăng 4,04% so với cùng kỳ năm 2020. Tính riêng tháng 7/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 43,17 triệu USD, giảm 11,9% so với cùng kỳ năm trước, và 3,3% so với tháng 6/2021.

Hình 23. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN.

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 7/2021, chiếm 15% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 14,9%.

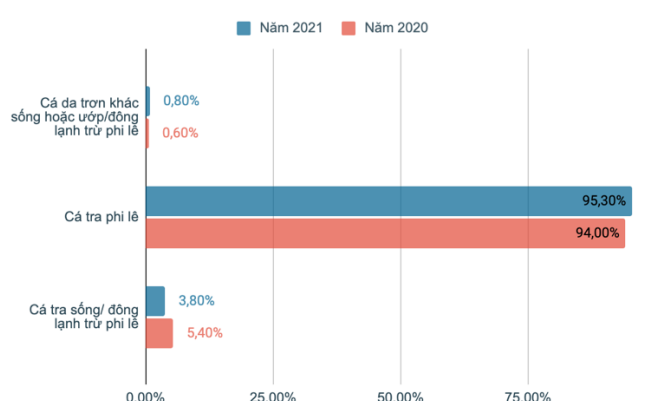
Hình 24. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang ASEAN tháng 7/2021

So với tháng 7/2020

- Thủy sản khác đạt 24,66 (tr.USD), ▲ 9,8%
- Cá rô phi đạt 0,26 (tr.USD), ▲ 8,2%
- Cá ngừ đạt 1,58 (tr.USD), ▼ 47,2%
- Cá da trơn đạt 6,46 (tr.USD), ▼ 41,1%
- Tôm đạt 3,52 (tr.USD), ▼ 0,8%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

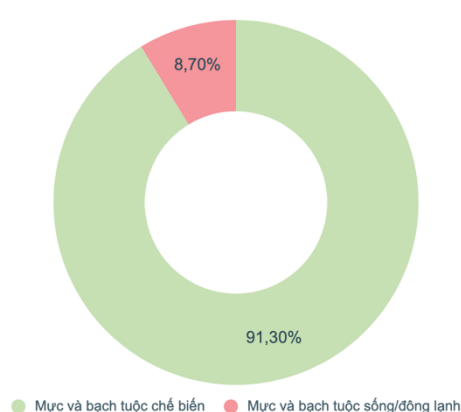
Cá da trơn là mặt hàng thủy sản xuất khẩu lớn nhất vào thị trường này, giá trị xuất khẩu tháng 7/2021 đạt 6,46 triệu USD, giảm 41,1% so với cùng kỳ năm 2020 và 16% so với tháng trước.

Hình 25. Cơ cấu sản phẩm cá da trơn XK sang ASEAN tháng 7 năm 2020/2021

- Cá tra phi-lê đạt 6,16 (tr.USD), ▼40,2%
- Cá tra sống/đông lạnh trừ phi-lê đạt 0,25 (tr.USD), ▼58%
- Cá da trơn khác đạt 0,05 (tr.USD), ▼23,2%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Mực và bạch tuộc là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn thứ 2 vào thị trường này trong tháng 7/2021 đạt 6,41 triệu USD, chiếm 14,9% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu vào thị trường này, giảm 18,1% so với cùng kỳ năm 2020 và 0,5% so với tháng trước.

Hình 26. Cơ cấu xuất khẩu Mực và bạch tuộc sang ASEAN tháng 7/2021

- Mực và bạch tuộc chế biến đạt 5,71 (tr.USD), ▼2%
- Mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 0,56 (tr.USD), ▲36,1%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 7 sang thị trường này đạt 1,64 USD/kg, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2020; cá rô phi đạt 1,89USD/kg, giảm 1%; tôm đạt 5,84 USD/kg, tăng 21,5%.

Bảng 1. Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 7/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,64	3,00%	2,30%
2	Cá rô phi	1,89	-1,00%	-8,10%
3	Cua, ghẹ	5,54	10,50%	-7,40%
4	Mực và bạch tuộc	8,14	13,30%	-0,80%
5	Tôm	5,84	21,50%	11,40%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 7 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH xuất nhập khẩu Dalu Surimi chiếm 5,6% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH thủy sản Khánh Phú chiếm 3,8%; Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 3,6%.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo dự báo mới nhất của ICO, tiêu thụ toàn cầu niên vụ 2020/2021 sẽ tăng lên 1,9% so với niên vụ trước lên mức 167 triệu bao, trong đó khu vực Châu Á Thái Bình Dương dự kiến sẽ tăng 1,3 % so với niên vụ trước lên mức 36,24 triệu bao. Toàn khối vẫn chứng kiến những diễn biến dịch bệnh đáng quan ngại, phức tạp khi chủng mới Delta đang làm bùng phát các dịch đợt mới ở nhiều nước thành viên, đặc biệt tại các nước có tiêu thụ cà phê nhập khẩu từ Việt Nam như Indonesia, Philippin, Malaysia, Thái Lan. Xuất khẩu cà phê sang các nước ASEAN dự kiến sẽ chững lại trong ngắn hạn do ảnh hưởng của Covid 19 đến nhu cầu tiêu thụ cà phê trong khu vực.

2. Cao su

Giá cao su tại châu Á giảm mạnh do những ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình vận chuyển chưa có dấu hiệu được cải thiện, tình trạng thiếu container rỗng sẽ tiếp tục diễn ra. Đồng thời, giá cước vận chuyển cao được dự báo kéo dài sang tận năm 2022, ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu cao su của các nước.

Hiệp hội Các nhà sản xuất găng tay cao su Malaysia dự đoán, tình trạng thiếu găng tay cao su trên toàn cầu sẽ còn kéo dài tới quý I/2022. Trong khi đó, nhu cầu cao su tự nhiên cho sản xuất găng tay cao su được dự báo tiếp tục tăng tại quốc gia này. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp sản xuất găng tay y tế lớn trên thế giới cũng lên tiếng cảnh báo về tình trạng khan hiếm sản phẩm có thể xảy ra khi nhu cầu tại châu Âu tăng đột biến.

3. Tiêu

Có thể thấy kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu Việt Nam của thị trường này vẫn đang trên đà giảm sút do nhiều nguyên nhân tồn đọng, vẫn chưa khắc phục được từ các tháng trước đây, đó là diễn biến phức tạp của dịch bệnh tại nhiều quốc gia, đặc biệt là Việt Nam với tư cách là thị trường cung cấp và Singapore với tư cách là thị trường nhập khẩu, tình trạng thiếu vỏ container và cước biển tăng cao. Số liệu hải quan tháng 7/2021 cho thấy, trong số 4 quốc gia vẫn nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam tại ASEAN, trong tháng này, Singapore đã không nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam. Với diễn biến khó lường của đại dịch này, dự báo trong 1-2 tháng tới, giá tiêu xuất khẩu vẫn tăng do hệ quả của việc tăng giá cước biển song khối lượng và giá trị sẽ tiếp tục giảm.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 7/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 7/ 2021 (USD)	Tăng /giảm so T6/2021	Tăng /giảm so T7/2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	25.556.407	-23,73%	-12,77%	8,92%
2	Cao su	2.860.181	-24,41%	18,89%	1,00%
3	Chè	1.164.663	32,30%	36,85%	0,41%
4	Gạo	100.885.205	0,75%	1,63%	35,20%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	17.498.447	-16,36%	1,63%	6,11%
6	Rau quả	20.548.174	10,01%	-3,14%	7,17%
7	Thủy sản	43.167.918	-3,32%	-11,92%	15,06%
8	Hạt điều	4.548.909	-11,60%	-33,39%	1,59%
9	Hạt tiêu	3.760.123	-22,84%	18,97%	1,31%
10	Phân bón các loại	29.125.917	-15,63%	72,99%	10,16%
11	Sản phẩm từ cao su	5.035.114	-5,20%	65,73%	1,76%
12	Sắn và các sản phẩm từ sắn Thức ăn gia súc và nguyên liệu	107.434	-79,68%	-87,19%	0,04%
13	Thịt và sản phẩm thịt	30.664.764	-2,14%	21,63%	10,70%
14		1.685.251	114,72%	295,99%	0,59%
Tổng XK NLTS		286.608.508	-5,81%	3,99%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 7/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 7/2020		Tháng 7/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	156.212	66.520.924	142.354	67.192.132	-8,9%	1,0%
2	Gạo thơm	38.823	18.307.489	54.777	28.420.441	41,1%	55,2%
3	Các loại gạo khác	26.517	14.435.068	10.447	5.272.633	-60,6%	-63,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang ASEAN tháng 7/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 7/2020	Tháng 7/2021	So sánh T7.2021/T7.2020
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	21.215.091	20.548.174	-3,1%
1	Sầu riêng	2.376.595	9.497.512	299,6%
2	Ớt	1.833.295	1.886.738	2,9%
3	Khoai lang	3.391.372	1.764.197	-48,0%
4	Dừa	4.383.125	737.343	-83,2%
5	Thanh long	479.311	693.273	44,6%
6	Hạt macca	259.477	485.681	87,2%
7	Chuối	694.093	458.077	-34,0%
8	Khác	7.797.822	5.025.354	-35,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 7/2021

Mặt hàng	T7/2020 (USD)	T7/2021 (USD)	So sánh T7/2020 và T7/2021
Chưa rang chưa khử cafein	14.134	12.952	-8,36%
Chưa rang đã khử cafein	18	36	99,02%
Đã rang chưa khử cafein	250	320	27,79%
Đã rang đã khử cafein	6	0	-94,25%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	1.913	186	-90,29%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	12.977	12.062	-7,05%
Tổng	29.299	25.556	-12,77%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 7/2021

Loại sản phẩm	Tháng 7/2021 (USD)	Tháng 7/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	6.457.124,17	10.963.121,51	-41,10%
Cá ngừ	1.584.096,59	3.001.563,99	-47,20%
Cá rô phi	274.163,60	253.277,36	8,20%
Cua, ghẹ	262.921,11	476.681,19	-44,80%
Mực và bạch tuộc	6.412.341,75	7.826.812,01	-18,10%
Tôm	3.515.736,28	3.544.020,02	-0,80%
Thủy sản khác	24.661.534,71	22.945.521,93	7,50%
Tổng	43.167.918,20	49.010.998,01	-11,90%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang các nước ASEAN

TT	Sản phẩm	T7/2020 (USD)	T7/2021 (USD)	So sánh T7.2021/T7.2 020
1	Trâu, bò sống	375.256,0	1.051.260,1	180%
2	Gia cầm sống	13.794,0	17.475,7	27%
3	Động vật sống khác	8.700,0	48.632,0	459%
4	Thịt trâu, bò, đông lạnh.		27.217,0	
5	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm		489.909,4	
6	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	18.803,4	50.756,7	170%
Tổng		425.575,8	1.685.250,9	296%

Nguồn: Tổng cục Hải quan